Văn bản quy phạm luật mới về nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, ban hành trong quý I/2023

CN. Nguyễn Thị Mỹ Hương
Văn phòng Điều phối NTM Trà Vinh

1. Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 27/02/2023 của Hội đồng nhân dân dân tỉnh ban hành Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021-2025

Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2023/QĐ-HĐND là Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021-2025.

a) Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định mức chi hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách trung ương phân bổ cho địa phương và nguồn ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021-2025.

b) Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến nội dung mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2022-2025.

c) Nội dung quy định mức hỗ trợ cụ thể: 19 nội dung

- Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiêm nước.
- Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở.
- Chi hỗ trợ các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, quy mô ấp.
- Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.
- Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp.
- Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại.
- Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn.
- Chi đẩy mạnh, sản xuất chế biến muối theo chuỗi giá trị.
- Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới.
- Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.
- Chi hỗ trợ tổ chức thực hiện các đề án/kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh.
- Chi hỗ trợ xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường.
- Chi hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn.

- Chi hỗ trợ thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới.
- Chi hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh.
- Chi triển khai Phong trào "Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững"; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc "5 tự" và "5 cùng".
- Chi hỗ trợ triển khai hiệu quả Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025".
- Mức hỗ trợ xây dựng mô hình điểm và nhân rộng các mô hình sẵn có nhằm vun đắp, giữ gìn giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch".
- Mức hỗ trợ thí điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát của cộng đồng.
d) Nguồn kinh phí thực hiện
- Nguồn kinh phí sự nghiệp do Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.
- Nguồn ngân sách chi thường xuyên của ngân sách địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.
- Nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh và nguồn đóng góp khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định về đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND là Quy định về đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

a) Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định các nội dung yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng khu khai thác khoáng sản, khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; khu di tích lịch sử; điểm dân cư nông thôn, công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác (say đây gọi tắt là công trình) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

b) Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình theo quy định.

c) Quy định về đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình gồm 03 nội dung chính:
- Nội dung đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng khu khai thác khoáng sản, khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; khu di tích lịch sử; điểm dân cư nông thôn.

- Nội dung đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác.
- Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình.
d) Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Thường trực Ban chỉ đạo huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh) chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Trà Vinh, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan đơn vị có liên quan tổ chức triển khai Quy định này và các hoạt động khác có liên quan.

Toàn văn 02 văn bản được đăng trên website của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Trà Vinh, địa chỉ: https://snnptnt.travinh.gov.vn/ vào mục *Chính sách nông nghiệp, nông thôn*.

Một số thay đổi về quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm ATTP

Ths. Trần Thị Phương Hồng Huế
Chi cục QLCL Nông lâm sản và Thủy sản Trà Vinh

Ngày 30/12/2022, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2023. Những nội dung sửa đổi, bổ sung, gồm:

1. Quy định về hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

- *Quy định cũ*: Hồ sơ gồm đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (ATTP) và bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm ATTP của cơ sở (khoản 3 Điều 17 của Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).
- *Quy định mới*: Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật ATTP, gồm: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATTP; Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm ATTP của cơ sở; Giấy xác nhận đủ sức khoẻ của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm; Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực

tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Các loại giấy này cơ sở gửi khi nộp hồ sơ hoặc cung cấp cho Đoàn thẩm định khi đến thẩm định thực tế tại cơ sở.
Trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hết hạn, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải nộp hồ sơ xin cấp lại Giấy chứng nhận trong trường hợp tiếp tục sản xuất, kinh doanh. Hồ sơ thủ tục cấp lại thực hiện tương tự trường hợp cấp mới.
Bãi bỏ mẫu đơn Đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP và mẫu Bản thuyết minh điều kiện bảo đảm ATTP của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản được quy định tại Phụ lục V và Phụ lục VI của Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT.

Tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về ATTP
do Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản tổ chức

2. Quy định về Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm
- *Quy định cũ*: Giấy xác nhận kiến thức về ATTP là do cơ quan có thẩm quyền theo quy định cấp (khoản 1 Điều 18 của Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT).
- *Quy định mới*: Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do chủ cơ sở xác nhận (khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT).

3. Bãi bỏ khoản 7 Điều 17 của Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTN quy định về cấp Giấy chứng nhận ATTP cho cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản có tính đặc thù.

Toàn văn văn bản được đăng trên website của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Trà Vinh, địa chỉ: https://snnptnt.travinh.gov.vn/ vào mục *Văn bản quy phạm pháp luật*.

TIN CHUYÊN NGÀNH

CÔNG BỐ CHỨNG NHẬN TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ ASC CHO VÙNG NGHÊU TRÀ VINH

Ks. Lâm Hà Phương
Chi cục Thủy sản Trà Vinh

Hiện nay, toàn tỉnh Trà Vinh đã thành lập được 07 HTX nuôi nghêu, với tổng diện tích khoảng 1.000 ha ở vùng bãi bồi ven biển của các huyện: Châu Thành, Cầu Ngang, thị xã Duyên Hải, sản lượng thu hoạch hàng năm từ 4.000 – 6.000 tấn. Tuy nhiên, trong những năm qua, nghề nghêu của tỉnh luôn gặp nhiều khó khăn thách thức lớn do sản xuất vẫn còn nhỏ lẻ, chưa xây dựng thương hiệu, chưa có nhà máy chế biến tại tỉnh, chưa liên kết thị trường tiêu thụ, chủ yếu tiêu thụ qua thương lái để bán cho các nhà máy chế biến ngoài tỉnh, từ đó dẫn đến giá cả không ổn định, thiếu tính bền vững trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Được sự tài trợ của Liên Minh Châu Âu và Tổ chức Oxfarm, Trung tâm HTQT nuôi trồng và khai thác thủy sản Bền vững ICAFIS đã triển khai dự án Phát triển chuỗi giá trị nghêu và tre toàn diện, bền vững tại Việt Nam (Trong đó có tỉnh Trà Vinh). Qua hơn 4 năm (2018-2023) Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với đơn vị triển khai dự án, các Sở, ngành có liên quan, chính quyền địa phương, cùng với sự đồng hành cùng nỗ lực tích cực của các HTX nghêu, đến thời điểm hiện nay đã đạt được Chứng nhận tiêu chuẩn ASC với tổng diện tích 433ha (*HTX Thành Công 200 ha, HTX Tiến Thành 193 ha, HTX Long Thành 40 ha*).

Đại diện 03 HTX nghêu Thành Công, Tiến Thành và Long Thành

Trà Vinh là đơn vị thứ 3 của Việt Nam đạt Chứng nhận Tiêu chuẩn Quốc tế ASC cũng là vùng nghêu thứ 3 trên Thế giới được chứng nhận ASC. Với chứng nhận ASC, sản phẩm nghêu Trà Vinh có điều kiện mở ra cơ hội xuất khẩu ra thị trường thế giới, góp phần quan trọng rất lớn vào phát triển kinh tế xã hội, khẳng định thương hiệu, nâng cao giá trị trên thị trường. Đặc biệt thúc đẩy nghề nuôi nghêu của tỉnh Trà Vinh phát triển lên một tầm cao mới trong tương lai.

Ngay sau lễ trao giấy chứng nhận ASC, Lãnh đạo Công ty Thủy sản Lenger Việt Nam, Công ty Hưng Trường Phát, Công ty cổ phần Thủy sản Bến Tre đã ký kết biên bản ghi nhớ liên kết sản xuất, tiêu thụ nghêu theo chuỗi giá trị, mở ra hướng đi mới trong phát triển nghêu thương phẩm ở vùng nuôi bãi bồi ven biển của tỉnh.

Trà Vinh phấn đấu tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản 3,73% trong năm 2023

Ths. Nguyễn Công Thức
Chi cục Thủy sản Trà Vinh

Với mục tiêu phát triển thủy sản của tỉnh phấn đấu tốc độ tăng giá trị sản xuất 3,73%, tổng sản lượng thủy sản đạt 244,550 ngàn tấn, trong đó: Sản lượng khai thác 64,35 ngàn tấn, sản lượng nuôi 180,2 ngàn tấn; giá trị sản phẩm thu được bình quân trên 01 ha đất nuôi thủy sản đạt 360 triệu đồng/ha, cụ thể:

- Nuôi thủy sản nước lợ: Tôm thẻ chân trắng phát triển ổn định diện tích khoảng 8.300 ha, sản lượng 75,5 ngàn tấn tập trung ở các huyện và thị xã ven biển, trong đó: Nuôi thâm canh mật độ cao khoảng 1.350 ha; Tôm sú dự kiến diện tích 19.500 ha, sản lượng 13,3 ngàn tấn, trong đó: Nuôi theo hình thức thâm canh và bán thâm canh khoảng 3.000 ha; Cua biển: Dự kiến diện tích 20.000 ha, sản lượng 6,2 ngàn tấn; Nghêu, sò huyết: dự kiến diện tích nuôi khoảng 1.200 ha, sản lượng khoảng 1,8 ngàn tấn. Tập trung tại các huyện Duyên Hải, Cầu Ngang, Châu Thành, Trà Cú và thị xã Duyên Hải.

- Nuôi thủy sản nước ngọt: Dự kiến diện tích nuôi đạt 3.500 ha (trong đó: Cá tra 30 ha, cá lóc 500 ha, tôm càng xanh 1.830 ha, còn lại là cá các loại), sản lượng 82,2 ngàn tấn, tập trung phát triển ở hầu hết các huyện, thị xã, thành phố, trong đó: Tôm càng xanh chủ yếu là nuôi xen, ghép trong các hệ thống canh tác phù hợp với từng vùng sinh thái tập trung ở các huyện Duyên Hải, Châu Thành, Trà Cú và thị xã Duyên Hải; nuôi cá tra thâm canh phát triển ở các huyện Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành và thành phố Trà Vinh; nuôi cá lóc thâm canh phát triển ở các huyện Càng Long, Tiểu Cần, Châu Thành và Trà Cú.

Người dân cải tạo ao cho vụ nuôi tôm mới

Để đạt được kết quả trên cần tập trung vào một số giải pháp như:

- Phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản theo hướng hiệu quả, bền vững; đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi phù hợp với lợi thế từng địa phương. Đẩy mạnh áp dụng thực hành nuôi trồng thủy sản tốt, nuôi trồng thủy sản có chứng nhận với các sản phẩm chủ lực (tôm, cá tra, nhuyễn thể…). Phát triển các vùng nuôi thủy sản thâm canh ứng dụng công nghệ cao, nuôi an toàn sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái; hỗ trợ nông dân phát triển nuôi quảng canh tiên tiến, nhân rộng các mô hình kết hợp lúa - thủy sản, rừng - thủy sản hiệu quả… Tăng cường công tác giám sát và kiểm soát dịch bệnh của các loài thủy sản nuôi; quản lý tốt vùng nuôi hạn chế đến mức thấp nhất ô nhiễm môi trường; kiểm soát, giám sát và quản lý tốt chất lượng con giống, thức ăn, hóa chất, thuốc thú y thủy sản và những tác động của sản xuất đến môi trường để có những giải pháp khắc phục kịp thời.

- Tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các giải pháp nhằm chống tình trạng khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU); giảm dần sản lượng khai thác thủy sản ven bờ, đẩy mạnh khai thác thủy sản xa bờ; tăng cường đầu tư thiết bị bảo quản chế biến trên tàu khai thác, nâng cao hiệu quả khai thác và giảm tổn thất sau thu hoạch; khai thác thủy sản gắn liền với bảo vệ và phát triển nguồn lợi, gắn khai thác thủy sản với bảo vệ chủ quyền quốc gia và an ninh quốc phòng trên các vùng biển, đảo của Tổ quốc.

- Hình thành hệ thống cơ sở hạ tầng dịch vụ hậu cần đồng bộ tại các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão; áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, công nghệ tin học, điện tử, viễn thám, công nghệ bảo quản sau thu hoạch, trong quản lý và hiện đại hóa ngành thủy sản.

Đồng thời, tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh được UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 3746/QĐ-UBND ngày 24/11/2020; Kế hoạch hành động thực hiện Chiến

lược phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 3168/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 và Phương án phát triển ngành tôm tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 29/9/2022.

Với tình hình thời tiết năm 2023 được dự báo sẽ có những tác động tiêu cực đến sản xuất. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt của các ngành, các cấp và sự chung tay của người dân Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ vượt qua khó khăn, thách thức, cùng phấn đấu để đạt được các chỉ tiêu đề ra./.

Chi cục Kiểm lâm tỉnh Trà Vinh tăng cường phối hợp thực hiện tuần tra, kiểm tra rừng và triển khai công tác phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô quý I năm 2023

Ks. Lê Thành Trung
Chi cục Kiểm lâm Trà Vinh

Rừng ngập mặn từ lâu đã được coi là tấm lá chắn bảo vệ bờ biển, chống xói lở và gió bão; là nguồn dự trữ sinh quyển và là nơi trú ngụ của nhiều loài chim di cư, các loài động và thực vật quý hiếm. Rừng ngập mặn còn được coi như giải pháp sinh thái hiệu quả để ứng phó với biến đổi khí hậu và đảm bảo sinh kế cho người dân vùng ven biển. Hiện tổng diện tích rừng toàn tỉnh Trà Vinh khoảng 9.492 ha, trong đó: Diện tích rừng tự nhiên 2.922 ha và 6.570 ha rừng trồng, độ che phủ đạt *4,04% (Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 16/03/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh về công bố hiện trạng rừng tỉnh Trà Vinh năm 2021).*

Nhằm tăng cường các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá, khai thác rừng trái phép, phòng và chữa cháy rừng trong tình hình mới theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2023; Công văn số 123/BNN-TCLN ngày 09/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Năm 2023, Chi cục Kiểm lâm đã cụ thể hóa thành Nghị quyết để tập trung triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm, gồm:

1. Tổ chức quán triệt về chủ trương và phương thức thực hiện cho toàn thể công chức, viên chức tại các Hạt, Đội.

2. Các Hạt Kiểm lâm liên huyện Châu Thành - Cầu Ngang, huyện Duyên Hải - thị xã Duyên Hải chủ động phối hợp với các đơn vị như Công an huyện, Ban chỉ huy quân sự huyện, Đội Kiểm lâm cơ động, Đồn Biên phòng và UBND các xã sẽ triển khai và thực hiện tốt công tác phối hợp nhằm quản lý bảo vệ và phát triển rừng, ngăn chặn và xử lý các trường hợp phá rừng, gây cháy rừng, khai thác lâm sản trái phép, săn bắt, vận chuyển động vật hoang dã trái phép.

Tuần tra bảo vệ rừng tuyến biển Mỹ Long Nam và Rừng bần phòng hộ Mỹ Long

3. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, vận động các cơ quan, tổ chức và nhân dân tích cực tham gia bảo vệ rừng. Song song đó, rà soát và kiện toàn các Tổ, Đội quần chúng bảo vệ rừng, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng, chỉ đạo, hướng dẫn các chủ rừng xây dựng kế hoạch phòng chống chặt phá rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng.

Kiểm tra việc thu gom và xử lý thực bì rừng Phi lao

Kết quả, đã kịp thời ngăn chặn các hành vi phá rừng, lấn chiếm đất rừng, săn bắt và vận chuyển mua bán lâm sản trái phép, đồng thời đây cũng là biện pháp nhằm tăng cường các biện pháp trong bảo vệ rừng tại các khu rừng trên địa bàn. Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh Trà Vinh không để xảy ra cháy rừng và các vụ vi phạm Lâm luật. Tuy nhiên, vẫn còn một số hộ vì phát triển kinh tế gia đình nên trong quá trình cải tạo ao nuôi tôm đã làm ảnh hưởng đến cây rừng.

Để người dân ý thức hơn trong việc quản lý bảo vệ rừng, đơn vị sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với địa phương thường xuyên tuyền truyền, phổ biến pháp luật về nâng cao nhận thức trong công tác quản lý bảo vệ rừng, từng bước hạn chế được các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực Lâm nghiệp. Bên cạnh đó, đơn vị sẽ tiếp tục triển khai công tác phòng cháy chữa cháy; phối hợp với các ban, ngành có liên quan, tổ Quản lý bảo vệ rừng và hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng tổ chức tuần tra, kiểm tra và vận động nhân dân tích cực chung tay trồng và quản lý rừng trên địa bàn tỉnh./.

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM OCOP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Ks. Đoàn Thị Lệ Thanh
Chi cục Phát triển nông thôn Trà Vinh

Qua hơn 04 năm triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, kết quả đến nay có 184 sản phẩm OCOP *(trong đó: 09 sản phẩm tiềm năng 5 sao, 38 sản phẩm đạt 4 sao, 137 sản phẩm 3 sao, của 118 chủ thể: 72 Hộ kinh doanh; 20 Công ty, 05 doanh nghiệp, 19 Hợp tác xã và 02 Tổ hợp tác)*, các sản phẩm tập trung chủ yếu ở các nhóm thực phẩm tươi sống; nhóm thực phẩm thô, sơ chế; nhóm thực phẩm chế biến; nhóm đồ uống; nhóm thủ công mỹ nghệ gia dụng...

Chương trình mỗi xã một sản phẩm tạo sức lan tỏa lớn, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, gia tăng giá trị sản phẩm. Các chủ thể tham gia Chương trình đã được nâng lên về nhận thức, năng lực sản xuất, nhất là về quản trị kinh doanh, tổ chức sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm, tiếp cận thị trường... Qua đó cho thấy, những sản phẩm đạt OCOP từ 03 sao trở lên, được tham gia vào các siêu thị, xúc tiến thương mại trên các kênh thương mại điện tử, Từ đó số lượng sản phẩm bán ra tăng lên.

Hình ảnh sản phẩm Mật hoa dừa (Công ty TNHH Trà Vinh Farm-SOKFARM) và Dừa sáp sợi (Cty TNHH Chế Biến Dừa Sáp Cầu Kè-VICOSAP) (sản phẩm tiềm năng 5 sao)

1. Theo Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, với mục tiêu phát triển sản phẩm gồm:

- Củng cố và nâng cấp ít nhất 50% sản phẩm OCOP đã được đánh giá và phân hạng; ưu tiên phát triển sản phẩm OCOP gắn với thương hiệu sản phẩm, phát triển dịch vụ du lịch nông thôn.

- Ưu tiên phát triển các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa, phấn đấu ít nhất có 30% chủ thể OCOP là hợp tác xã, 50% chủ thể OCOP là doanh nghiệp, công ty và hộ kinh doanh.

- Có ít nhất 30% các chủ thể OCOP xây dựng được chuỗi giá trị theo hướng OCOP xanh gắn với vùng nguyên liệu ổn định; trong đó ưu tiên các sản phẩm OCOP đã được đánh giá và phân hạng.

- Có ít nhất 10% làng nghề có sản phẩm OCOP, góp phần bảo tồn và phát triển làng nghề địa phương.

- Có ít nhất 50% chủ thể OCOP tham gia vào các kênh bán hành hiện đại (hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi; sàn giao dịch thương mại điện tử).

- Có ít nhất 01 dự án về Dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch được hình thành và triển khai thực hiện.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu ít nhất 05 sản phẩm và hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu ít nhất 10 sản phẩm.

2. Giải pháp nâng chất và phát triển sản phẩm OCOP

- Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình OCOP tỉnh Trà Vinh đến năm 2025; tập trung tiêu chuẩn hóa, phát triển sản xuất sản phẩm chủ lực, đặc sản có triển vọng theo hướng sản xuất hàng hóa có chất lượng, thương hiệu, có sức cạnh tranh với quy mô hàng hóa, thường xuyên gắn với thị trường tiêu thụ ổn định nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế;

- Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ các chủ thể phát triển, nâng cấp, tiêu chuẩn hóa sản phẩm: Đầu tư ứng dụng khoa học, đổi mới, hoàn thiện công nghệ, quy trình sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến; sản xuất theo quy trình quản lý chất lượng tiên tiến, an toàn thực phẩm, hình thành các sản phẩm OCOP chủ lực, đặc trưng, đặc sản có giá trị, chất lượng cao.

Xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP

+ Đẩy mạnh triển khai các hoạt động xúc tiến, giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại các điểm bán sản phẩm OCOP, các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh và tại các hội chợ sản phẩm OCOP do Bộ, ngành Trung ương và các tỉnh trong cả nước tổ chức.

+ Hỗ trợ, cung cấp dịch vụ xúc tiến thương mại điện tử; hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất đăng ký, tham gia giới thiệu, phân phối sản phẩm OCOP trên các sàn thương mại điện tử.

Tăng cường chuyển đổi số

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, trong: truyền thông đa phương tiện về Chương trình OCOP; xây dựng hồ sơ và quản lý dữ liệu sản phẩm OCOP, số hóa quá trình tiếp nhận hồ sơ, chấm điểm, phân hạng sản phẩm; số hóa sản phẩm và xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị OCOP, gắn với giám sát - chứng thực của công tác quản lý nhà nước.

+ Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử cho sản phẩm OCOP, hình thành các sàn thương mại điện tử quy mô lớn, các kênh bán hàng trực tuyến (online), bán hàng tương tác trực tiếp (livestream), đặc biệt cho các sản phẩm có quy mô nhỏ, sản phẩm đặc sản địa phương.

+ Triển khai sáng kiến "Mỗi nông dân là một thương nhân" nhằm tối ưu hóa ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, thương mại sản phẩm OCOP.

Xây dựng và phát triển sản phẩm OCOP sẽ là động lực phát huy tiềm năng, thế mạnh sản phẩm đặc trưng của tỉnh, phát huy được mục tiêu về phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm truyền thống, dịch vụ đạt tiêu chuẩn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường; góp phần phát triển kinh tế nông thôn./.

Tiêu hủy heo nhập tỉnh dương tính với vi rút bệnh Dịch tả heo Châu Phi

Ks. Huỳnh Minh Kha
Chi cục Chăn nuôi và Thú y Trà Vinh

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh, Đoàn kiểm tra liên ngành đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động giết mổ, kiểm soát giết mổ động vật; sơ chế, chế biến, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2023.

Ngày 27/02/2023, Đoàn kiểm tra phát hiện phương tiện biển kiểm soát 14C-304.65 do ông Nguyễn Đình Hưởng điều khiển, vận chuyển 59 con heo nghi bị nhiễm bệnh nhập vào địa bàn tỉnh. Toàn bộ số heo được đưa về Trạm Kiểm dịch động vật Càng Long tạm giữ và lấy mẫu gửi Chi cục Thú y vùng VII xét nghiệm. Kết quả xét nghiệm, heo dương tính với vi rút bệnh Dịch tả heo Châu Phi (ASFV).

Ông Nguyễn Đình Hưởng (*thường trú tại xã Tuy Lộc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ*) cùng với Trần Phương Mạnh (*thường trú tại xã Ngô Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ*) điều khiển phương tiện nêu trên đến xã La Ngà (*huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai*) nhận 59 con heo, trọng lượng khoảng 08-13 kg/con của một người tên Quân và vận chuyển về tỉnh Bến Tre bán cho ông Huỳnh Hoàng Tấn Lộc (*xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh*). Địa điểm giao nhận heo tại Bến phà Cổ Chiên, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, tuy nhiên, trong quá trình vận chuyển đã đi lạc về địa bàn xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Ông Nguyễn Đình Hưởng không xuất trình được giấy chứng nhận kiểm dịch động vật và cũng không cung cấp được thông tin về nguồn gốc, xuất xứ của số heo nói trên, đồng thời, việc vận chuyển, mua bán và giao nhận heo thông qua mạng xã hội nên không có thông tin cụ thể, rõ ràng.

Heo bị tạm giữ tại Trạm Kiểm dịch động vật Càng Long chờ xử lý

Sau khi có kết quả xét nghiệm của Chi cục Thú y vùng VII, ngày 28/02/2023, Chi cục Chăn nuôi và Thú y đã tiến hành tiêu hủy 59 con heo (trọng lượng 523 kg) theo đúng quy định hiện hành về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn. Mọi chi phí xử lý tiêu hủy do ông Nguyễn Đình Hưởng chi trả theo quy định.

Đồng thời, ông Nguyễn Đình Hưởng còn bị xử phạt số tiền là 12.500.000 đồng về vi phạm hành chính về hành vi vận chuyển động vật không rõ nguồn gốc, xuất xứ, không có giấy chứng nhận kiểm dịch động vật khi vận chuyển động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.

Tiến hành tiêu hủy heo sau khi có kết quả xét nghiệm, heo dương tính với vi rút bệnh Dịch tả heo Châu Phi (ASFV)

Những tháng đầu năm 2023, bệnh Dịch tả heo Châu Phi tái phát trở lại ở một số địa phương trong tỉnh, diễn biến phức tạp và có nguy cơ lây lan rộng. Trước tình hình trên, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y triển khai các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch, như: Theo dõi, giám sát chặt chẽ đàn heo tại địa phương, nếu phát hiện heo nghi, mắc bệnh thì khẩn trương tiến hành lấy mẫu xét nghiệm và xử lý theo quy định. Tuyên truyền, hướng dẫn người chăn nuôi thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, áp dụng chăn nuôi an toàn sinh học và khai báo kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra. Vận động người dân không tham gia các hoạt động mua bán heo, sản phẩm của heo không có nguồn gốc rõ ràng, chưa qua kiểm dịch thú y để hạn chế phát sinh và lây lan dịch bệnh, đặc biệt không mua bán heo qua mạng xã hội; kiểm soát chặt chẽ việc buôn bán, giết mổ, vận chuyển heo, sản phẩm heo ra vào vùng dịch theo đúng quy định. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về diễn biến tình hình dịch bệnh, các dấu hiệu nhận biết bệnh, các biện pháp phòng, chống bệnh Dịch tả heo Châu Phi để người dân không hoang mang và chủ động phối hợp tốt với cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương trong công tác phòng, chống dịch./.

MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý CHĂM SÓC CÂY CHÔM CHÔM TRONG MÙA NẮNG

Ths. Nguyễn Thị Lùng
Chi cục Trồng trọt và BVTV Trà Vinh

Cây chôm chôm (Rambutan) có tên khoa học *Nephelium lappacium* L., là giống cây trồng khởi nguyên ở Đông Nam Á. Ở Việt Nam, chôm chôm được trồng chủ yếu ở các tỉnh thuộc lưu vực sông Đồng Nai, nam Trung Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long. Riêng Trà Vinh diện tích trồng chôm chôm 160,6 ha (2021) tập trung chủ yếu ở huyện Cầu Kè. Cây chôm chôm mang lại giá trị kinh tế khá ổn định trong những năm qua. Bên cạnh đó giá trị dinh dưỡng của thịt trái chôm chôm cũng đa dạng và phong phú (trong 100 g thịt quả tươi có 63 calo năng lượng; 82.9% nước; 0.9g Protein; 0.1g chất xơ; 3mg Ca; 6mg P; 1.8mg Fe; 4 I.A Vitamin A; 0.04mg Vitamin B1; 0.05mg Vitamin B2; 0.6mg Vitamin PP và 31mg Vitamin C,..).

Chôm chôm có rất nhiều giống. Tuy nhiên ở Việt Nam có ba giống chính: chôm chôm Java, chôm chôm Thái và chôm chôm nhãn. Cây chôm chôm có yêu cầu về sinh thái và chăm sóc như sau:

1. Yêu cầu về sinh thái

***. Nhiệt độ:**

Chôm chôm thích nghi với khí hậu nhiệt đới ấm áp. Nhiệt độ thích hợp cho cây sinh trưởng và phát triển là 22-30^{0}C, khi nhiệt độ trên 40^{0}C thì cây sẽ rụng hoa, rụng quả rất nhiều. Nhiệt độ dưới 22^{0}C thúc đẩy cây ra đọt do đó chôm chôm chậm ra hoa.

***. Lượng mưa**

Cây chôm chôm đòi hỏi lượng nước cho từng giai đoạn sinh trưởng và phát triển, cây cần lượng mưa phân bố đều trong năm (trên 2.000 mm). Cây cần nhiều nước trong giai đoạn phát trái, nếu thiếu nước trái sẽ nhỏ. Nếu lượng mưa đầu mùa nhiều làm màu sắc vỏ quả không đẹp và gây hiện tượng nứt trái; cây cần khô hạn khoảng 1 tháng để hình thành mầm hoa, nếu mưa nhiều chỉ kích thích ra lá. Nhưng khi cây gặp khô hạn vào giai đoạn thụ phấn hoặc quả phát triển thì trái rụng nhiều, ảnh hưởng đến phẩm chất trái, …Vì thế cần được tưới nước bổ sung cho các giai đoạn cực trọng này.

***. Ánh sáng, ẩm độ, gió**

Cây chôm chôm rất cần ánh sáng. Vì vậy, ánh sáng sẽ làm cho trái chín có màu đỏ, đẹp nhờ chất Anthocyanines tạo màu đỏ vỏ trái nhưng lại mẫn cảm với cường độ ánh sáng cao. Tuy nhiên, nắng nhiều kết hợp với gió mạnh làm chôm chôm cháy lá. Gió mạnh và ẩm độ thấp trong giai đoạn trái sẽ dẫn đến cháy lá và gai của vỏ trái chôm chôm bị héo (tế bào gai vỏ trái bị thiếu nước), do đó trái kém phẩm chất, nên thiết kế trồng hàng cây chắn gió hoặc trồng xen có cường độ ánh sáng vừa phải cho vườn chôm chôm.

***. Đất đai**

Chôm chôm thích hợp trồng trên vùng đất không bị nhiễm mặn, đất thịt pha cát hay sét, tầng canh tác dày, thoát nước tốt. Độ pH thích hợp từ 4,5 - 6,5, nếu pH cao hơn cây có triệu chứng vàng lá do thiếu Zn, Fe...

***. Chất dinh dưỡng:**

Cây cần các chất dinh dưỡng để sinh trưởng và phát triển theo từng giai đoạn. Cây chôm chôm có yêu cầu nhiều về chất đạm và kali, việc cung cấp đầy đủ phân bón giúp cây tăng năng suất, trái to, kéo dài tuổi thọ.

2. Chăm sóc vườn cây trong mùa nắng

Mùa nắng là mùa có khả năng thiếu nguồn nước tưới cây, đôi khi mặn xâm lấn sâu và mưa trái mùa làm ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của một số chủng loại cây nói chung, cây chôm chôm nói riêng. Để chủ động chăm sóc và quản lý dịch hại trên cây chôm chôm trong mùa khô cần thực hiện một số biện pháp như sau:

***Cắt tỉa cành, tạo tán**:

Sau mỗi đợt thu hoạch tích cực cắt tỉa những gié hoa còn lại trên cây, cành dinh dưỡng là cành non mọc thẳng từ thân cành chính, các cành sâu bệnh, cành khô, cành vô hiệu, cành lá già cỗi, cành đan chéo ngoài tán, … sao cho hợp lý để thúc đẩy cây mọc chồi tược non và cho trái vụ sau; đồng thời kết hợp với việc tạo tán cho cây: Khi năng suất bắt đầu giảm, thường sau 20 năm tuổi, cắt ngang những cành chính, giảm chiều cao đến khoảng 1/3, hoặc cách mặt đất 30-50 cm, dùng sơn hoặc một số hóa chất nhằm bảo vệ mặt cắt, khi những cành non phát triển từ dưới mặt cắt, tỉa giữ lại một số cành khoẻ thích hợp hoặc có thể tiến hành ghép đổi giống (khi cành đạt đường kính từ 0,5cm).

Việc tỉa cành, tạo tán giúp cho cây giảm áp lực tiêu thụ nước trong điều kiện nắng nóng, khô hạn; tạo sự thông thoáng trong vườn, hạn chế nơi trú ẩn cho sinh vật gây hại và giúp cây tăng khả năng quang hợp.

*** Tủ gốc giữ ẩm cho cây**:

Tủ gốc giữ ẩm cho cây là giải pháp giúp giảm sự bốc hơi nước đồng thời cũng là giữ ẩm cho đất trong mùa khô; tránh nước chảy tràn trên mặt đất gây lãng phí; cung cấp chất hữu cơ và các chất dinh dưỡng khác cho cây, giúp cây vượt qua mùa khô hạn.

Vật liệu tủ gốc giữ ẩm cho cây có thể tận dụng các nguyên vật liệu sẵn có như: Lá khô, cỏ khô, lục bình, lá dừa; các phụ phẩm trong nông nghiệp vụ trước; tận dụng các thảm thực vật (rau trai, cây cỏ lạc dại,…) hoặc vét mương bồi bùn cho cây,… giúp đất duy trì độ ẩm, hạn chế thoát hơi nước, rễ cỏ còn giúp cải thiện cấu trúc đất. Phương pháp này có thể tiết kiệm được 50% lượng nước tưới và tuyệt đối không phun thuốc diệt cỏ trong thời điểm nắng nóng này.

*** Chế độ phân bón.**

Cần bón cân đối N.P.K về liều lượng và công thức bón cho cây hàng năm theo khuyến cáo. Việc bón phân còn tùy thuộc điều kiện đất đai, tình trạng sinh trưởng của cây, tuổi cây, thời kỳ bón, năng suất thu hoạch vụ trước.

Đặc biệt, mùa khô là thời gian cây chôm chôm phân hóa mầm hoa, cây cần tích lũy dinh dưỡng để ra hoa và đậu trái. Vì vật, cây cần một lượng dinh dưỡng đủ để cây sử dụng làm nền cho sự sinh trưởng và phát triển hoa trái về sau. Để cung cấp dinh dưỡng cho cây, nhà vườn nên tăng cường bón các loại

như: Phân hữu cơ (hoai mục), phân hữu cơ khoáng hoặc phân vi sinh ngoài việc sử dụng phân hóa học. Sử dụng phân hữu cơ như phân chuồng (phân bò, phân gà,…) nên được ủ hoai với nấm *Trichoderma;* khi bón vào trong đất ngoài việc phân giải chất hữu cơ nấm *Trichoderma* còn đối kháng một số nấm gây hại như thối rễ, khống chế một số nguồn bệnh lây lan từ trong đất. Mặt khác, khi bón phân hữu cơ không nên bón cùng phân hóa học, bón phân hữu cơ trước sau đó bón phân hóa học. Phân hữu cơ bón vào đất có vai trò giữ nước và các dưỡng chất từ phân hóa học để cung cấp cho cây trồng sử dụng được lâu dài hơn. Ngoài ra, cũng có thể phun thêm các loại phân bón lá dạng amino, Kali, Canxi, Magiê, Silic… để bổ sung thêm dinh dưỡng và tăng sức đề kháng cho cây mà không cần trải qua quá trình chuyển hóa.

Chú ý bón phân và cung cấp dinh dưỡng cho cây một cách cân đối, tăng cường sử dụng các loại phân hữu cơ làm tăng khả năng hữu dụng của phân hóa học cho cây trồng trước thực trạng giá cả phân hóa học tăng cao.

***Chế độ nước tưới**

Mùa khô là thời điểm cây tích lũy dinh dưỡng để ra hoa, đậu trái, nên nhu cầu về lượng nước tưới ở giai đoạn cực trọng hết sức cần thiết, đồng thời hạn chế triệu chứng cháy lá ở chôm chôm, cần chủ động hơn trong việc tưới tiêu:

- Chủ động trữ nước ngọt trong mương vườn: Nạo vét mương, sử dụng bạt hoặc túi nilon chứa nước ngọt trong mương vườn (phòng nước mặn xâm nhập) để tưới cho cây; đây là yếu tố quan trọng nhất là trong vấn đề xử lý cây ra hoa, phòng chống hạn, mặn.

- Có thể sử dụng giải pháp tưới nước tiết kiệm (phun sương, nhỏ giọt), áp dụng phương pháp tưới nước tiên tiến theo xu thế ứng dụng công nghiệp 4,0 trong sản xuất nông nghiệp.

Cần nạo vét mương

Trữ nước ngọt trong mương vườn

2. Quản lý sâu bệnh.

Trong mùa nắng nhóm côn trùng có khả năng gây hại nhiều hơn các nhóm dịch hại khác, chủ yếu là nhóm chích hút và nhóm nhện. Nhóm chích hút sinh sản rất nhanh trong điều kiện khô hạn gồm có: Bọ trĩ, rệp sáp, rầy phấn, sâu vẽ bùa, sâu ăn bông và nhóm nhện (nhện đỏ), các nhóm bệnh do nấm xuất phát từ vết chích của côn trùng mà cộng hưởng . Để quản lý và phòng trừ đạt hiệu quả

các sâu bệnh gây hại cây chôm chôm trong mùa nắng, bà con nhà vườn cần thực hiện một số giải pháp sau đây:

- Vệ sinh vườn sau các đợt thu hoạch, thu gom tàn dư thực vật trong vườn có khả năng lưu tồn mầm bệnh và lây lan,… mang đi tiêu hủy.
- Thường xuyên thăm vườn kiểm tra sâu bệnh thật kỹ, phát hiện kịp thời để có biện pháp xử lý đạt hiệu quả tối ưu nhất.
- Chủ động phun các chế phẩm sinh học để phòng sâu bệnh và các loại nấm, vi khuẩn gây hại giai đoạn sau.
- Bảo vệ và phát triển các loài thiên địch trong vườn như kiến vàng, ong, bọ rùa, bọ ngựa,…
- Sử dụng thuốc hóa học khi thật cần thiết, tuân thủ theo "nguyên tắc 4 đúng"; chọn các loại thuốc chuyên biệt, phổ hẹp, ít độc cho côn trùng có ích; luân phiên các loại thuốc để tránh hiện tượng kháng thuốc; bảo đảm thời gian cách ly, an toàn cho người tiêu dùng.
- Sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục cho phép của Bộ Nông nghiệp và PTNT sử dụng ở Việt Nam./.

Xử lý phụ phẩm cây trồng làm thức ăn chăn nuôi

Ths. Trần Văn Đoái
Sở Nông nghiệp và PTNT Trà Vinh

Với mục tiêu hướng dẫn các nội dung cần thiết trong thu gom, sử dụng, xử lý phụ phẩm cây trồng trên cơ sở các quy định của pháp luật về Trồng trọt và Bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan, bảo đảm không ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất nông nghiệp tại khu vực canh tác, giao thông; giảm thiểu ô nhiễm môi trường, lan truyền sinh vật gây hại. Và, để thực hiện Thông tư số 19/2019/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thu gom, xử lý, sử dụng phụ phẩm cây trồng, Cục Trồng trọt vừa ban hành Tài liệu hướng dẫn thu gom, xử lý phụ phẩm cây trồng.

Có 03 nguyên tắc thu gom, xử lý phụ phẩm cây trồng, đó là: Phụ phẩm cây trồng phải được thu gom, xử lý bảo đảm không ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất nông nghiệp tại khu vực canh tác, giao thông; không gây ô nhiễm môi trường, lan truyền sinh vật gây hại. Thu gom, xử lý phụ phẩm cây trồng theo nguyên tắc phân loại tính chất, theo qui mô thôn, nhóm nông hộ hoặc qui mô hợp tác xã. (và) Thu gom, xử lý phụ phẩm cây trồng dựa trên các quy định liên quan của Luật trồng trọt và Luật Bảo vệ môi trường, các thông tư, nghị định, quyết định của các bộ ngành liên quan.

Tài liệu hướng dẫn 10 quy trình xử lý phụ phẩm cây trồng, trong đó, lĩnh vực chăn nuôi có 03 quy trình: Quy trình kỹ thuật ủ rơm bằng ure làm thức ăn cho trâu bò, Quy trình ủ lá sắn (lá khoai mì) làm thức ăn chăn nuôi và Quy trình ủ chua thân ngô (thân bắp) làm thức ăn dự trữ cho trâu, bò. Đối với địa bàn tỉnh, đây không phải là những quy trình hoàn toàn mới, vì các quy trình đã được

chương trình, dự án và cơ quan chuyên môn giới thiệu, hướng dẫn cho người chăn nuôi từ nhiều năm qua.

Quy trình kỹ thuật ủ rơm bằng urê làm thức ăn cho trâu bò, để bổ sung thêm đạm và làm mềm rơm. Công thức ủ (cho 100 kg rơm), có 2-5 kg urê, 0,5 kg muối ăn và 90-100 lít nước sạch, khác với công thức ủ thường phổ biến trước là không sử dụng muối ăn hoặc dùng vôi bột trong một số công đoạn xử lý rơm. Về cách thức tiến hành, hình thức ủ, thời gian, yêu cầu chất lượng rơm sau ủ, bảo quản rơm thành phẩm, phương pháp tập cho trâu, bò ăn không khác biệt so với quy trình trước. Tài liệu hướng dẫn cũng lưu ý người chăn nuôi *phải cho trâu, bò uống đủ nước khi sử dụng thức ăn rơm ủ urê, không cho trâu, bò ăn urê trực tiếp*.

Ủ rơm bằng urê làm thức ăn cho bò

(trong Dự án Heifer tại xã Bình Phú, huyện Càng Long)

Quy trình ủ lá sắn (lá khoai mì) làm thức ăn chăn nuôi, đây là hình thức ủ chua làm thức ăn cho trâu, bò. Ủ lá khoai mì không thật sự phổ biến và ít được người chăn nuôi trên địa bàn tỉnh quan tâm. Do, diện tích trồng khoai mì của tỉnh không nhiều (khoảng 600 ha) và người chăn nuôi chưa có thói quen sử dụng lá khoai mì làm thức ăn cho trâu, bò. Về công thức ủ: 100 kg lá khoai mì tươi, 5 kg cám gạo hoặc bột khoai mì, bột khoai và 0,5 kg muối ăn. Dùng hố hoặc túi ni lon để ủ, thời gian ủ 7-10 ngày. Lá khoai mì ủ chua thành công sẽ có màu vàng và thơm như dưa cải. Ban đầu tập trâu, bò ăn ít rồi tăng dần lên. Sau mỗi lần lấy cho trâu, bò ăn phải buộc chặt miệng túi ni lon hoặc đậy kín hố ủ tránh không khí lọt vào làm hư hỏng.

Quy trình ủ chua thân bắp làm thức ăn dự trữ cho trâu, bò, đây cũng là một hình thức ủ chua, dự trữ thức ăn cho bò vào những thời điểm khan hiếm thức ăn, có thể thay thế thân bắp bằng cỏ voi. Công thức ủ: 100 kg cây bắp/vỏ trái bắp tơi đã phơi héo, 4 kg cám gạo, 4 kg bột khoai mì, 5-10 kg rỉ mật đường, 0,5 muối ăn và 10-20 lít nước sạch. Lưu ý, thân cây bắp phải được cắt nhỏ, phơi héo trước khi ủ. Dùng hố hoặc túi ni lon để ủ, thời gian ủ khoảng 8 tuần và có thể bảo quản trong 6 tháng. Sau mỗi lần lấy cho trâu, bò ăn phải buộc chặt miệng túi ni lon hoặc đậy kín hố ủ tránh không khí lọt vào làm hư hỏng.

Các quy trình xử lý phụ phẩm cây trồng còn lại của Tài liệu hướng dẫn: Quy trình làm nấm rơm, Quy trình thu gom và sản xuất phân hữu cơ sinh học từ phụ phẩm sau trồng nấm, Quy trình xử lý rơm rạ trực tiếp trên đồng ruộng làm phân bón hữu cơ, Quy trình làm phân hữu cơ bằng men ủ vi sinh, Quy trình sử dụng chế phẩm vi sinh vật xử lý vỏ cà phê sau chế biến ướt thành phân hữu cơ sinh học, Quy trình xử lý rác hữu cơ trong sản xuất rau bằng chế phẩm vi sinh vật thành phân bón hữu cơ và Quy trình sản xuất than sinh học.

Trong xây dựng nông thôn mới, việc áp dụng các nội dung hướng dẫn thu gom, xử lý phụ phẩm cây trồng, bao gồm xử lý phụ phẩm cây trồng làm thức ăn chăn nuôi, sẽ hỗ trợ rất hữu ích cho các địa phương hoàn thành các tiêu chí về môi trường trong xây dựng xã nông thôn mới nâng cao (*tiêu chính số 17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện môi trường*) và xây dựng huyện nông thôn mới (*tiêu chí số 7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên*). Đồng thời, còn góp phần tăng cường sản xuất hữu cơ, sản xuất an toàn, sản xuất xanh, sản xuất tuần hoàn trong nông nghiệp./.

MỘT SỐ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ - PHÒNG TRỪ SÂU XANH DA LÁNG (Spodoptera exigua) GÂY HẠI TRÊN ĐẬU PHỘNG

Ths. Nguyễn Thị Lùng
Chi cục Trồng trọt và BVTV Trà Vinh

Năm 2023 theo kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh với diện tích trồng đậu phộng 4.600 ha, trồng tập trung trên đất giồng cát ở một số huyện chủ yếu như Cầu Ngang, Duyên Hải, Trà Cú, Châu Thành,… đậu phộng là một trong những loại cây chủ lực của tỉnh nhà và cũng là loại cây trồng có nhiều đối tượng sâu bệnh gây hại trên diện rộng như: Sâu xanh, sâu ăn tạp, sâu ăn lá, bệnh chết rũ cây con, gỉ sắt hại lá, thối thân, thối rễ,… đáng kể nhất là sâu xanh da láng, là một trong những dịch hại chính thường xuyên xuất hiện và gây hại rất sớm trên đậu phộng (lạc)

Sâu xanh da láng (*Spodoptera exigua*), thuộc họ Ngài đêm (Noctuidae), bộ cánh vẩy (Lepidoptera**)**. Đây là loại sâu đa thực, gây hại trên nhiều loại cây trồng như nhóm cây họ đậu, hành, cà chua, bông vải…có một số đặc tính sinh thái học và tập tính gây hại như sau:

1. Đặc điểm hình thái, sinh học và vòng đời của sâu xanh da láng

- Thành trùng: Là một loại ngài đêm (bướm) hoạt động chủ yếu vào ban đêm, có kích thước trung bình, thân dài 18-20 cm, sải cánh của ngài rộng 30-35 cm, các cánh trước có màu nâu đất, trên cánh có những đường vân; các cánh sau có màu xám hoặc trắng đồng đều hơn và có một đường đậm ở rìa, cuối bụng con cái có một chùm lông. Giao phối diễn ra ngay sau khi bướm vũ hóa và đẻ trứng bắt đầu trong vòng 2-3 ngày. Thời gian đẻ trứng kéo dài trong khoảng thời gian từ 3-7 ngày và bướm thường chết trong vòng từ 9 - 10 ngày sau khi vũ hóa.

- Trứng: Bướm đẻ trứng thành từng ổ trên lá vào ban đêm, một bướm cái có thể đẻ 300 - 400 trứng, đẻ thành từng ổ nằm ở mặt dưới của lá và thường ở gần hoa và đầu cành, các quả trứng riêng lẻ có hình tròn khi nhìn từ trên xuống, nhưng khi nhìn từ phía bên, quả trứng hơi có đỉnh, thuôn nhỏ lại, trứng có màu từ xanh lục đến trắng. Trên ổ trứng có phủ một lớp lông màu trắng hoặc vàng nhạt do chùm lông ở cuối bụng của con cái. Một con trưởng thành có thể đẻ 3-4 ổ trứng/ lá. Trứng nở trong 2-3 ngày khi thời tiết ấm áp.

- Ấu trùng (sâu non): Có 5 tuổi, thời gian khoảng 15-20 ngày, ấu trùng có màu xanh lục nhạt hoặc màu vàng lúc mới nở và tuổi 2, nhưng có các sọc nhạt ở tuổi 3, ấu trùng tuổi 4 có mặt lưng sẫm màu hơn và có sọc bên tối. Tuổi 5 có hình dạng thay đổi nhiều, có xu hướng có màu xanh lá cây ở mặt lưng với màu hồng hoặc vàng ở phần bụng và một sọc trắng ở bên, có nhiều đốm đen hoặc vết gạch ngang thường xuất hiện ở mặt lưng và hai bên, cơ thể không có lông và gai.

+ ***Ấu trùng tuổi 1***: Sâu tuổi 1 có màu xanh lá hoặc màu vàng, đầu đen bóng, mang nhiều lông. Trên lưng có nhiều chấm to màu nâu nhạt, ở mỗi chấm có một lông dài màu nâu, cơ thể có chiều dài từ 1,2-1,5 mm, thường phần đầu có chiều ngang lớn hơn chiều ngang thân mình và các sọc trên cơ thể chưa rõ ràng.

+ ***Ấu trùng tuổi 2***: Sâu mới lột xác có màu vàng nhạt hoặc màu xanh lá cây, màu sắc trên mình sâu bắt đầu thể hiện rõ dần. Bụng màu vàng xanh, các đốt trên thân rõ dần. Cơ thể sâu có ba sọc màu trắng mờ, một sọc giữa lưng và 2 sọc bên thân, cả ba sọc trên chạy từ đốt thứ nhất đến đốt cuối của bụng. Ở tuổi này sâu có kích thước cơ thể trung bình là 0,45-3,7 mm, kích thước vỏ đầu trung bình 0,36x0,25 mm. Thời gian phát triển của sâu tuổi 2 dao động từ 2-4 ngày.

+ ***Ấu trùng tuổi 3***: Khi sâu bước sang tuổi 3 các sọc nhạt màu chạy dọc cơ thể sâu xuất hiện rõ hơn. Lúc mới lột xác sâu có màu vàng xanh, sau chuyển sang màu xanh lá cây. Đầu màu vàng nhạt, bóng, vẫn còn mang nhiều lông. Các chấm trên mình sâu nhỏ dần, lông ngắn hơn. Bụng có màu xanh nhạt, chân trong suốt, phần đầu cuối chân có màu hồng. Kích thước thân lúc mới lột xác trung bình 6,5 mm x 0,25 mm, kích thước vỏ đầu trung bình là 0,56 mm x 0,39 mm. Thời gian phát triển của sâu ở tuổi này dao động từ 2-3 ngày.

+ ***Ấu trùng tuổi 4***: Biểu bì của sâu tuổi 4 bóng láng và sẫm màu hơn các giai đoạn từ tuổi 1 đến tuổi 3, có một sọc đen chạy dọc mặt lưng của sâu.

+ ***Ấu trùng tuổi 5***: Mặt lưng màu xanh lá hoặc hồng, dưới bụng màu vàng. Các sọc chạy dọc cơ thể sâu hiện ra rất rõ. Cuối tuổi 5, sâu co rút lại, không ăn, không hoạt động và chuôi xuống đất để hóa nhộng.

- Nhộng: Sau khi kết thúc giai đoạn ấu trùng sẽ hóa nhộng ở trong đất. Nhộng có màu nâu nhạt và chiều dài khoảng 15 - 20 mm. Thời gian của giai đoạn nhộng là -7 ngày khi thời tiết ấm áp.

*** Vòng đời sâu xanh da láng:** Vòng đời: 30 - 40 ngày. Trong đó Trứng: 2 - 5 ngày, Sâu non: 15 - 20 ngày, Nhộng: 7 - 10 ngày, Trưởng thành: 2 - 3 ngày

Hình bướm và trứng sưu tầm Internet

2. Tập quán sinh sống và cách gây hại của sâu xanh da láng

- Sâu mới nở sống tập trung xung quanh ổ trứng và ăn các phần non của cây. Sâu gây hại bằng cách ăn phần diệp lục của lá (nhu mô lá từ bên trong), chừa lại lớp biểu bì trắng làm giảm khả năng quang hợp của cây. Cuối tuổi 1 trở về sau sâu phân tán sang các lá lân cận, khi lớn sâu phân tán dần. Sâu non tuổi 2 có tập quán nhả tơ buông mình khi có động. Ở tuổi 3 sâu cắn phá mạnh nhất; Sâu ăn khuyết phiến lá, cắn đọt non làm lá xơ xác chỉ còn lại gân lá (đôi khi sâu ăn phần thịt lá còn lại gân lá). Khi mật số cao sâu ăn trụi cả lá, cuống và trái non. Sâu đục khoét lỗ trên quả, không sống trong lỗ.

- Sâu xanh da láng thường phát triển và gây hại nặng vào các tháng ít mưa hoặc ruộng khô hạn . Sâu non ban ngày ẩn trong tán lá hoặc dưới đất, phá hại mạnh vào ban đêm và những khi trời âm u, ít nắng. Sâu đẫy sức hóa nhộng trong đất, lùm cỏ hoặc dưới lớp lá khô.

- Sâu có tập quán nhả tơ buông mình xuống đất khi bị động.

- Sâu có đặc tính kháng thuốc nên rất khó phòng trị bằng thuốc hoá học.

Ruộng đậu phộng bị sâu xanh da láng gây hại

3. Một số biện pháp phòng trừ

Sâu xanh da láng có tính kháng thuốc cao và dễ phát sinh thành dịch, để phòng trừ có hiệu quả cần có một số biện pháp đồng bộ sau đây:

**** Biện pháp canh tác*:**

- Vệ sinh đồng ruộng hủy bỏ tàn dư cây trồng sau mỗi vụ thu hoạch.
- Cày ải phơi ruộng để diệt sâu và nhộng.
- Trước khi trồng cần đưa nước làm ngập ruộng để diệt nhộng hoặc sử dụng màng phủ nilon diệt nhộng trong đất.
- Luân canh với lúa nước (nếu được) để diệt nhộng sâu trong đất.
- Gieo trồng với mật độ trồng thích hợp, tạo sự thông thoáng giảm khả năng gây hại của sâu bệnh.
- Bón phân cân đối và hợp lý, tránh thừa phân đạm dễ bị sâu tấn công cũng là biện pháp hạn chế bớt sâu bệnh phát triển.

**** Biện pháp cơ học:***

- Thường xuyên thăm đồng, phát hiện sớm ổ trứng loại bỏ và đưa ra khỏi ruộng để tiêu hủy.
- Bắt sâu bằng tay vào sáng sớm hoặc chiều tối khi sâu còn nhỏ sống tập trung; ngắt bỏ các lá bị hại (nếu được).

*** Biện pháp sinh học**

- Sử dụng các chế phẩm nấm xanh M*etarhizium anisopliae,* nấm trắng *Beauveria bassiana*, *Bacillus thuringiensis* var. phun để tạo sự đối kháng tiêu diệt sâu… Các loại chế phẩm này nên phun thuốc vào các buổi chiều mát, không được phối trộn chung với thuốc hóa học.
- Sử dụng thiên địch gồm: Nhóm ký sinh có hai loài ong kén nhỏ thuộc họ Braconidae. Loài ruồi thuộc họ Tachinidae và nhóm vi sinh vật có vi khuẩn tấn công.
- Dùng bả chua ngọt để bẩy bướm đẻ trứng.

*** Biện pháp hóa học*:***

- Dùng chế phẩm NPV đặc hiệu trừ sâu xanh da láng có hiệu quả cao. Nên kết hợp dùng thuốc thảo mộc Rotenone hay Azadirachtin.
- Thuốc vi sinh như: Biocin 16WP; Olong 55 WP; Biocin 8000 SC; Vi-BT; Xentari 15 FC; Dipel 3.2 WP, ...

Ngoài ra có thể dùng các loại thuốc nhóm Pyrethroid, Abamectin, Emamectin, Thiosultap - sodium,…

<u>Lưu ý:</u>

- Tiến hành phun thuốc khi sâu mới nở hoặc còn nhỏ sống tập trung;

- Luân phiên thuốc có các hoạt chất khác nhau để phòng trừ sâu đạt hiệu quả cao;

- Nên phun thuốc vào lúc trời mát;

- Sử dụng thuốc BVTV theo nguyên tắc " 4 đúng";

- Sử dụng các loại thuốc BVTV trong danh mục cho phép của Bộ Nông nghiệp và PTNT sử dụng ở Việt Nam.

MÔ HÌNH ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN

Hiệu quả bước đầu từ việc xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh dại tại tỉnh Trà Vinh

BSTY. Huỳnh Quỳnh Trăm

Chi cục Chăn nuôi và Thú y Trà Vinh

Bệnh Dại, là bệnh truyền nhiễm đầu tiên được chọn lựa để xây dựng cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh trên địa bàn tỉnh. Mục tiêu, nhằm nâng cao được nhận thức, trách nhiệm của người nuôi chó trong công tác phòng, chống bệnh Dại. Từ đó, tiến tới mục tiêu kiểm soát được bệnh Dại trên đàn chó nuôi và góp phần phấn đấu không có người tử vong vì bệnh Dại vào năm 2030, bảo vệ sức khỏe người dân và cộng đồng, góp phần vào sự thành công của Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh Dại, giai đoạn 2022-2023.

Thực hiện chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, từ năm 2020, Chi cục Chăn nuôi và Thú y đã lựa chọn và xây dựng 02 cơ sở an toàn dịch bệnh Dại cấp xã tại phường 2 và phường 3, thành phố Trà Vinh. Thời hạn 5 năm kể từ khi được công nhận cơ sở an toàn dịch bệnh, đến nay qua đánh giá, các cơ sở vẫn được duy trì và phát huy hiệu quả tốt về an toàn dịch.

Theo kết quả báo cáo hàng năm của Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi thành phố Trà Vinh và báo cáo của Đoàn kiểm tra, đánh giá cơ sở an toàn dịch bệnh Dại chó phường 2, phường 3, thành phố Trà Vinh, Ủy ban nhân dân phường 2 và phường 3 đã thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vậtnhư: (1) Việc quản lý chó nuôi được địa phương tổ chức chặc chẽ, danh sách chó nuôi được định kỳ rà soát 02 đợt/năm, ngoài ra thường xuyên cập nhật biến động đàn để theo dõi, quản lý chặt chẽ đàn; (2) Tổ chức thực hiện quy định: Không nuôi chó, mèo khi chưa khai báo; không nuôi chó, mèo khi chưa tiêm vắc-xin Dại; không nuôi chó thả rông; không để chó cắn người; không gây ô nhiễm môi trường; nhốt hoặc xích chó trong khuôn viên gia đình, khi đưa chó ra nơi công cộng phải đeo rọ mõm và có người dắt; (3) Kết quả tiêm phòng vắc-xin Dại trên đàn chó nuôi tại địa bàn từ năm 2020 đến nay đều đạt 100% tổng đàn; cụ thể, năm 2020 tiêm phòng 298 con chó của 179 hộ nuôi, năm 2021 tiêm phòng 338 con chó của 191 hộ nuôi, năm 2022 tiêm phòng 340 con chó của 195 hộ nuôi; (4) Kết quả giám sát sau tiêm phòng đối với bệnh Dại đều đạt tỷ lệ bảo hộ cao (trên 90%); (5) Không có ca bệnh Dại trên chó trong thời gian qua trên địa bàn.

Cán bộ Trạm Chăn nuôi và Thú y thành phố Trà Vinh
tiêm phòng vắc-xin Dại tại cơ sở an toàn dịch bệnh Dại phường 2

Kết quả trên cho thấy việc xây dựng, duy trì và quản lý cơ sở an toàn dịch bệnh Dại đã mang lại hiệu quả tích cực về công tác phòng, chống dịch bệnh Dại cũng như nâng cao được nhận thức, tinh thần trách nhiệm của người nuôi chó đối với sức khỏe cộng đồng. Nhất là, từ năm 2022 đến nay, trên địa bàn tỉnh đã phát hiện các trường hợp chó bị bệnh Dại hoặc nghi bị bệnh Dại tại các xã chưa được xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh của huyện Châu Thành, huyện Duyên Hải, huyện Càng Long và thành phố Trà Vinh. Đây là nền tảng, là cơ sở để triển khai và nhân rộng mô hình cơ sở an toàn dịch bệnh Dại cấp xã trong năm 2023 và các năm tiếp theo, tiến tới xây dựng mô hình an toàn dịch bệnh Dại cấp huyện vào năm 2030.

Tuy nhiên, để nhân rộng việc xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh Dại trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, tình trạng chó nuôi thả rông, không đeo rọ mõm ở nơi công cộng còn phổ biến, gây khó khăn trong công tác quản lý, tiêm phòng vắc xin phòng bệnh Dại cho đàn chó; nhận thức của người nuôi chó trong công tác phòng, chống bệnh Dại tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa còn yếu, người nuôi chó chưa tích cực hưởng ứng tiêm phòng, nên tỷ lệ tiêm phòng vắc-xin cho đàn chó còn thấp;…

Trong thời gian tới, tỉnh tiếp tục xây dựng thêm các cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh theo Kế hoạch phòng, chống bệnh Dại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022-2030 (kèm theo Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh), quản lý được 70%-90% số hộ nuôi chó, mèo và số chó, mèo nuôi; tiêm phòng vắc-xin Dại cho 70%-80% tổng đàn chó, mèo nuôi trong giai đoạn 2022-2030 và giám sát được chó, mèo mắc, nghi mắc bệnh Dại trong giai đoạn 2026-2030 để tiến tới xây dựng vùng an toàn dịch bệnh dại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Trà Vinh trong năm 2030./.

KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 3 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 9 THÁNG CUỐI NĂM 2023

Ths. Mai Thanh Điền

Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trà Vinh

1. Kết quả xây dựng nông thôn mới 3 tháng đầu năm 2023

Trong 3 tháng đầu năm 2023, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh, cùng sự nổ lực của các cấp ủy, chính quyền, sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể quần chúng nhân dân trong tỉnh, nên trong 3 tháng đầu năm 2023 Chương trình Mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (NTM) của tỉnh đã đạt được một số kết quả nhất định, cụ thể:

- Về công tác truyền thông, thông tin tuyên truyền

Trong 3 tháng đầu năm, các cấp ủy, chính quyền và các ngành đã tập trung triển khai thực hiện công tác tuyên truyền nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức của toàn xã hội về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, ý nghĩa, nội dung các tiêu chí NTM, tiêu chuẩn xây dựng gia đình văn hóa, NTM, ấp văn hóa, ấp NTM. Qua đó, giúp người dân nắm rõ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Chương trình xây dựng nông thôn mới, vận động chỉnh trang cảnh quang môi trường; vận động người dân hiến đất, cây cói, hoa màu,...để thực hiện các công trình dân sinh trong xây dựng NTM, tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân về xây dựng hố xí hợp vệ sinh, xây dựng hàng rào cây xanh, phát hoang bụi rậm các tuyến đường giao thông nông thôn,...Kết quả đã tuyên truyền tổng cộng 205 cuộc, với 2.678 lượt người tham dự.

- Kết quả thực hiện một số mục tiêu cơ bản

+ Huyện nông thôn mới: Hiện nay, tỉnh có 06/9 đơn vị cấp huyện *(huyện Tiểu Cần, Cầu Kè, Càng Long, Châu Thành, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh)* được Thủ tướng Chính phủ Quyết định công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Năm 2022, hai huyện Cầu Ngang và Duyên Hải đăng ký đạt chuẩn NTM, đến nay 2 huyện đã hoàn chỉnh hồ sơ trình Trung ương thẩm định, xem xét trình Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận. Theo kế hoạch năm 2023 huyện Trà Cú đăng ký đạt chuẩn huyện NTM và huyện Cầu Kè đăng ký đạt chuẩn huyện NTM nâng cao. Đến nay huyện Trà Cú đạt 4/9 tiêu chí huyện NTM và huyện Cầu Kè đã thực hiện đạt 3/9 tiêu chí huyện NTM nâng cao. BCĐ các huyện đang tập trung nguồn lực thực hiện đạt các tiêu chí, dự kiến trong quý III hai huyện hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh thẩm tra và trình Trung ương thẩm định xem xét, công nhận.

+ Về xã NTM, xã NTM nâng cao: Toàn tỉnh có 85/85 xã đạt 19/19 tiêu chí, trong đó có 82 xã được Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định công nhận. Còn lại 03 xã Ngãi Xuyên, Kim Sơn, Hàm Giang huyện Trà Cú, đoàn thẩm định của tỉnh tổ chức họp thẩm định kết quả thực hiện tiêu chí và hoàn chỉnh hồ sơ chuẩn bị trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận. Đến nay, toàn tỉnh có 27 xã:

Xã Long Đức, TP. Trà Vinh; xã Tân Hùng, Phú Cần, Tân Hòa, Hùng Hòa, Long Thới, Hiếu Tử huyện Tiểu Cần; xã Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, Hiệp Mỹ Đông huyện Cầu Ngang; xã Thạnh Phú, Ninh Thới, Phong Phú, Tam Ngãi, Thông Hòa, An Phú Tân, huyện Cầu Kè; xã Long Vĩnh, Đông Hải huyện Duyên Hải; xã An Trường, Nhị Long Phú, Đức Mỹ, Đại Phước, Tân Bình huyện Càng Long; Ngọc Biên, Đại An huyện Trà Cú; xã Dân Thành, Long Toàn được Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định công nhận đạt chuẩn xã NTM nâng cao. Các xã đăng ký đạt chuẩn năm 2022, hiện đã tổ chức thẩm định kết quả thực hiện tiêu chí và hoàn chỉnh hồ sơ chuẩn bị trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận.

+ Về xã NTM kiểu mẫu: Trong quý I, Đoàn thẩm định tỉnh đã tổ chức khảo sát thực tế và thẩm định kết quả xây dựng thôn mới kiểu mẫu của 03 xã: An Trường, huyện Càng Long; An Phú Tân, huyện Cầu Kè và Long Đức, thành phố Trà Vinh. Hiện đang lấy ý kiến các Sở, ngành tỉnh xác nhận các tiêu chí xã NTM kiểm mẫu của 3 xã này để trình Hội đồng tỉnh tổ chức họp bỏ phiếu, xét công nhận.

Đoàn thẩm định tỉnh tổ chức thẩm định xã Long Đức, thành phố Trà Vinh đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2022

+ Đối với ấp văn hóa, ấp NTM và gia đình văn hóa NTM: Đến nay, toàn tỉnh có 632/641 ấp đạt chuẩn ấp văn hóa và ấp NTM, đạt 98,6%. Trong đó, có 53 ấp NTM kiểu mẫu *(tăng 45 ấp so với cuối năm 2021)*, đạt 8,39%. Có 218.997/229.418 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, NTM, đạt 95,46%.

2. Phương hướng nhiệm vụ 9 tháng cuối năm 2023

2.1 Mục tiêu

Hoàn thành hồ sơ trình Trung ương thẩm định huyện Trà Cú đạt chuẩn NTM và huyện Cầu Kè đạt chuẩn NTM nâng cao; có 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; phấn đấu có thêm ít nhất 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. thực hiện nâng tiêu chí bình quân toàn tỉnh đạt trên 17 tiêu chí/xã *(đánh giá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025);* phấn đấu 70% số

xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao đều được nâng chất theo đúng quy định của Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025; phấn đấu tăng tỷ lệ ấp văn hóa và ấp nông thôn mới lên mức 100%; tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa, nông thôn mới lên mức 98% *(các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu phải đạt ít nhất 01 ấp nông thôn mới kiểu mẫu).*

2.2. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về quan điểm, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, xác định rõ, đây là chủ trương lớn xuất phát từ yêu cầu vì lợi ích của người dân.

- Tập trung hỗ trợ huyện Trà Cú và huyện Cầu Kè hoàn thành hồ sơ, thủ tục trình Trung ương thẩm định công nhận huyện NTM, huyện NTM nâng cao trong năm 2023; hỗ trợ các xã đạt chuẩn NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu năm 2023; phối hợp với Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố rà soát, hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao thực hiện nâng chất đảm bảo đạt theo yêu cầu của Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025.

- Củng cố và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ các nhu cầu thiết yếu trên địa bàn các xã gắn với phát triển sản xuất, đời sống của người dân như: Giao thông, thủy lợi, điện, trường học, y tế, nước sạch, vệ sinh môi trường,…

- Thực hiện tốt việc hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; triển khai thực hiện các Chính sách, các Dự án, vận động xã hội hóa hỗ trợ công tác giảm nghèo góp phần thực hiện thành công công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xem đây là nhiệm vụ chính trị thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và của toàn dân.

- Triển khai, thực hiện hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP), nâng cao hiệu quả hoạt động các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân; xây dựng đời sống văn hóa nông thôn; bảo vệ và cải thiện cảnh quang môi trường nông thôn, nâng cao chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm; nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở Đảng ở địa phương; Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn./.

TƯ VẤN KHUYẾN NÔNG

Câu hỏi: Trong thời gian qua nhiều ao nuôi tôm sú trong ao đất không hiệu quả. Vậy những hình thức nuôi nào mang tính hiệu quả trong giai đoạn hiện nay?

Trả lời:

Nuôi tôm sú trong ao đất, qua nhiều vụ nuôi những chất thải, mầm bệnh tích tụ ngày càng nhiều ở nền đáy ao, sự mất cân đối C: N trong đất ngày càng lớn, thời tiết bất lợi,… từ đó làm cho một số ao nuôi trở nên khó khăn và không hiệu quả. Để tận dụng diện tích các ao nuôi này và tránh tình trạng treo ao bà con nông dân nên:

- Áp dụng các kỹ thuật mới như lót bạc đáy và bờ ao nuôi, kết hợp siphong để làm sạch môi trường ao nuôi, ngoài ra cần có các hệ thống ao lắng nước, ao xử lý và ao thải theo khuyến cáo của ngành chuyên môn. Ngoài ra, xác định mật độ nuôi cũng là một trong những vấn đề cần quan tâm.

Ao nuôi lót bạt

- Chuyển đổi đối tượng nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên của ao nuôi, độ mặn theo từng vùng, điều kiện đầu tư, giá trị kinh tế và đầu ra sản phẩm. Đặc biệt là đối tượng chuyển đổi phải phù hợp với kế hoạch chuyển đổi của địa phương.

- Một số đối tượng nuôi giới thiệu đề bà con tham khảo áp dụng:

+ Nuôi cá hồng mỹ trong ao, cá phát triển phù hợp trong điều kiện môi trường nước lợ, độ mặn ≥ 2‰. Đây là đối tượng nuôi mới, không đòi hỏi kỹ thuật cao, tận dụng ao nuôi tôm kém hiệu quả để sản xuất tạo công việc cho người lao động tại địa phương, phát triển kinh tế gia đình, cung cấp cho thị trường sản phẩm chất lượng, đáp ứng được nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng.

+ Nuôi tôm càng xanh toàn đực áp dụng 2 giai đoạn kết hợp sử dụng chế phẩm sinh học quản lý môi trường trong ao nuôi tôm, đây là đối tượng nuôi phù hợp với môi trường ngọt, lợ, độ mặn 0- trên 10‰, áp dụng kỹ thuật ương tôm kết hợp bẻ càng chủ động xác định tỷ lệ sống, giúp tôm nuôi phát triển đồng đều, kích cỡ tôm lớn góp phần nâng cao hiệu quả giá trị sản xuất, tăng thu nhập cho người sản xuất./.